

Bản án số: 125/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 16/6/2022  
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Lâm**

Ông **Nguyễn Văn Khanh**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Hồng Hà** – Thẩm tra viên

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà **Bùi Thúy Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2022/QĐHPT ngày 31 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị T** sinh năm: 1992 (có mặt)

HKTT: P Tập thể Q, phường Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội

Hiện ở tại: Tô A phường S, Long Biên, Hà Nội

**\* Bị đơn:** Anh **Hoàng Kim S** sinh năm: 1988 (vắng mặt)

HKTT và ở tại: P-CTập thể Q, phường Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện; các bản tự khai ngày 10/01/2022; Biên bản hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/4/2022; Biên bản không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/05/2022; nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh Hoàng Kim S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và có sự đồng ý của hai bên gia đình. Đăng ký kết hôn ngày 03/08/2015 tại UBND phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị sống cùng gia đình chồng tại P503-C1 Tập thể Quân Đội, phường Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội. Anh chị sống hạnh phúc, hòa thuận đến tháng 7 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, xô xát, anh S không chia sẻ tài chính, chăm lo con cái với chị mà ham chơi cờ bạc nên dẫn tới nợ nần. Vì nghĩ đến con còn nhỏ nên chị đã cho anh S nhiều cơ hội để thay đổi. Gia đình hai bên cũng đã nhiều lần hòa giải cho anh chị, tuy nhiên anh S vẫn không chịu sửa sai mà ngày càng ham mê cờ bạc, nợ nần khiến nhiều người đến nhà đòi tiền, gây ảnh hưởng đến gia đình. Do không thấy sự chuyển biến, thay đổi từ anh S và cuộc sống vợ chồng

không có hạnh phúc nên tháng 9 năm 2017 chị đã cùng con trai chuyển về nhà mẹ đẻ ở. Khi chị chuyển đi anh S cũng không chủ động làm lành, đến thăm con hay gọi điện nói chuyện với chị hòa giải mâu thuẫn. Chỉ khi chị thu xếp thời gian đưa con về thăm ông bà nội cuối tuần thì nếu có gặp anh S mới chơi đùa cùng con một lúc. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M do một mình chị chịu trách nhiệm, anh S không đóng góp công sức, tiền bạc kể từ khi sinh cháu cho đến nay. Mâu thuẫn giữa chị và anh S là trầm trọng không thể hòa giải, chị đã nói chuyện với anh S về việc ly hôn nhiều lần anh đều đồng ý. Trước và sau khi nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Long Biên để xin ly hôn chị đã nói chuyện với anh S về mâu thuẫn vợ chồng và muốn anh giải quyết ly hôn thuận tình, anh S bảo chị cứ nộp đơn đến Tòa án khi nào Tòa gọi anh sẽ đến giải quyết. Tất cả những lần Tòa án báo gọi đến Tòa án giải quyết chị đều báo cho anh S biết, song anh S vẫn không đến Tòa nhằm gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn. Nay tình cảm của chị đối với anh S đã hết, không thể hòa giải mâu thuẫn để đoàn tụ chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn để chị ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung là cháu Hoàng Gia M, sinh ngày 06/01/2017. Ly hôn, chị muốn được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, không yêu cầu anh S phải đóng góp nuôi con.

- Về tài sản: Chị T khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải.

- Về tài sản chung (động sản; bất động sản) và công nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì.

Ngoài những yêu cầu trên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

*\* Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ:*

- Ngày 28/04/2022 Tòa án nhân dân quận Long Biên lập biên bản xác M tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị T và anh Hoàng Kim S tại tổ dân phố số 8 (nay là tổ 4) phường Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội thì được ông Trần Đức Hậu tổ trưởng tổ dân phố xác nhận chị T và anh S kết hôn năm 2015, sau khi kết hôn anh chị về ở cùng bố mẹ chồng tại P503-C1 TT Quân Đội, phường Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội. Quá trình chung sống tại địa phương anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể về vấn đề gì thì tổ dân phố không nắm được vì anh chị không nhờ tổ dân phố hòa giải. Anh chị có một con chung là cháu Hoàng Gia M. Hiện chị T và cháu M đã chuyển đi ở nơi khác không còn ở nhà anh S còn anh S vẫn ăn ở sinh hoạt thường xuyên tại địa chỉ trên. Việc anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản ghi ý kiến ngày 13/04/2022 ông Hoàng Đăng San bố đề anh S cho Tòa án biết: năm 2015 gia đình hai bên tổ chức hôn lễ cho anh chị theo nghi thức truyền thống. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng nhà với vợ chồng ông bà tại P503-C1 TT Quân Đội, phường Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội. Quá trình anh chị sống cùng với ông bà có xảy ra cãi nhau, nguyên nhân chủ yếu do kinh tế khó khăn, anh S là bộ đội tại Lữ đoàn 490 - Pháo binh đóng quân tại xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên không có khả năng đáp ứng kinh tế cho chị T nên dẫn tới anh chị hay xảy ra cãi vã. Gia đình hai bên đã cố gắng phân tích hòa giải nhiều lần cho anh chị nhưng không thành. Tháng 9 năm 2017 chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở và đưa cháu M đi cùng, anh chị sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nay với

yêu cầu xin ly hôn của chị T với tư cách là người cha, ông không mong muốn các con chia rẽ, mỗi người mỗi nơi sẽ khổ con cái. Vợ chồng ông bà đã nhiều lần phân tích đúng sai cho cả hai anh chị để anh chị quay về đoàn tụ nhưng anh chị không muốn. Trường hợp chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Gia M, sinh ngày 06/01/2017; Về tài sản chung: Anh chị không có; Về công nợ: Theo ông biết thì anh chị không có công nợ chung.

- Tại biên bản ghi ý kiến ngày 21/4/2022 ông Trần Danh Doan bố đẻ của chị T cho Tòa án biết: Tháng 9 năm 2015 hai gia đình tổ chức cưới cho anh chị theo phong tục truyền thống, có sự chứng kiến của bạn bè, họ hàng hai bên. Sau khi kết hôn chị T về ở cùng gia đình nhà chồng tại P503-C1 Tập thể Quân Đội. Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Chị T thỉnh thoảng về nhà tâm sự với vợ chồng ông việc anh S không tu chí làm ăn, ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều người, một mình chị phải gánh vác việc chăm nom, dạy dỗ con mà không có bất kỳ sự giúp đỡ nào của chồng. Tháng 9 năm 2017 chị T xin phép bố mẹ chồng đưa cháu M về ở cùng ông bà tại tổ 14, phường Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội. Theo ông, mâu thuẫn giữa anh chị đã lên tới đỉnh điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi, xô xát, cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, anh S không thay đổi mà ngày càng lún sâu vào nợ nần, không có trách nhiệm với gia đình. Vì thương chị T và cháu M ông đã nhiều lần động viên, phân tích hòa giải cho anh chị cũng như động viên riêng chị T cho anh S thêm thời gian để thay đổi nhưng không thành. Trong suốt thời gian anh chị sống ly thân, anh S không lần nào đến nhà ông để thăm cháu M, không chủ động gọi điện hỏi thăm chị T, chỉ mỗi khi chị T đưa con về nhà chồng thì anh S mới gặp con tại đây. Việc chăm con do một mình chị T gánh vác, anh S không đóng góp công sức gì. Suốt 5 năm qua kể từ khi anh chị sống ly thân, anh S không hề thay đổi, không tu chí làm ăn, vẫn nợ nần chồng chất. Với tư cách là bố đẻ chị T ông không muốn chị ly hôn, việc chị phải gánh vác nuôi con một mình mà không có sự hỗ trợ chia sẻ từ chồng ông rất thương, vì hạnh phúc và tương lai của chị nên ông tôn trọng quyết định của chị T. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Gia M, sinh ngày 06/01/2017, cháu M vẫn đang ở cùng chị T tại nhà của vợ chồng ông, ông bà có nhà cửa rộng rãi nên sẽ tạo điều kiện cho chị về chỗ ở và giúp chị chăm sóc, đưa đón cháu M đi học khi chị T phải đi làm; Về tài sản và công nợ chung: Theo ông biết thì anh chị không có.

***Tại phiên tòa hôm nay:***

- Nguyên đơn chị Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Kim S và giữ nguyên những yêu cầu đã trình bày.

- Bị đơn anh Hoàng Kim S vắng mặt tại phiên tòa.

*\* Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về Tổ tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định

quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 147, 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Hoàng Kim S; về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Gia M, sinh ngày 06/01/2017, giao con chung là cháu Hoàng Gia M (nam) cho chị T trực tiếp chăm, sóc nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu anh S đóng góp tiền nuôi con chung nên không xem xét xét; về tài sản, nhà đất ở, công nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí ly hôn sơ thẩm: chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Hoàng Kim S. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Hoàng Kim S có hộ khẩu thường trú và hiện ở tại: Phòng 503 – C1 Tập thể Quân Đội, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị T có mặt, bị đơn là anh Hoàng Kim S vắng mặt. Đối với anh S, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo đến Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần); quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, song anh S vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Về tình cảm: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Kim S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/08/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2015 quyền số 01/2015) tại Ủy ban nhân dân phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị T và anh S chỉ chung sống hạnh phúc, hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S ham chơi dẫn tới nợ nần, kinh tế vợ chồng không ổn định. Ngoài ra, anh S đi làm xa nhà không quan tâm đến vợ con. Tháng 9 năm 2017 anh chị đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay, cả

hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ai muốn làm gì thì làm. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, không có khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị kiên quyết xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân của anh chị đã không tồn tại từ tháng 9 năm 2017 khi anh chị sống ly thân cho đến nay, anh chị sống mỗi người một nhà nhưng anh S không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Cả hai anh chị không còn liên hệ với nhau về mặt tình cảm, không có trao đổi về việc nuôi dạy con cái, anh S cũng không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, do vậy chị T cương quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Do cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh S không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Kim S là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Gia M, sinh ngày 06/01/2017. Ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Gia M, không yêu cầu anh S phải đóng góp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Do chị T không yêu cầu anh S đóng góp tiền nuôi con chung nên không xem xét xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ tháng 9 năm 2017 chị T, anh S đã sống ly thân, chị T và cháu M dọn về nhà bố mẹ đẻ tại Tổ 14 phường Sài Đồng ở còn anh S vẫn ở tại nhà tại P503-C1 tập thể Quân Đội, phường Gia Thụy, cháu M con của anh chị sống chung cùng mẹ và ông bà ngoại và vẫn phát triển ổn định về tinh thần và thể chất. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho con chung của anh chị có đời sống tinh thần, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện một cách tốt nhất nên chấp nhận yêu cầu của chị T, tiếp tục giao cháu Hoàng Gia M, sinh ngày 06/01/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh S phải đóng góp nuôi con là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đồng thời cũng phù hợp với thực trạng của cháu.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Hoàng Kim S có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh S theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản, nhà đất ở chung: Chị T, khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau ly hôn chị T tự lo nơi ở khác cho mình.

- Về công nợ chung: Chị T khai không nợ ai, không ai nợ anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

**Án phí:** Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: - Các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014  
- Điều 28, 35, 39, 147, 192, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.  
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị T** được ly hôn anh **Hoàng Kim S**.

**2.** Về con chung: Xác nhận chị T và anh S có 01 con chung là cháu Hoàng Gia M, sinh ngày 06/01/2017; giao con chung cháu Hoàng Gia M cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 06 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Hoàng Kim S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh S nếu anh S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

**3.** Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản): Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

**4.** Về công nợ chung: Chị T khai anh chị không nợ ai và không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

**5.** Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0064898 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

+ Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

+ Anh Hoàng Kim S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên
- UBND phường Gia Thụy;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**